

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CTR, BCM

[Vĩ mô/Chiến lược]

Báo cáo cập nhật ngành phân bón

SBV hạ lãi suất - Hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

[Cập nhật công ty]

GAS, TNH, BID

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng quanh các ngưỡng hỗ trợ gần của cổ phiếu mục tiêu.

15/03/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,061.41	+2.05
VN30	1,064.38	+2.61
HĐTL VN30F1M	1,064.90	+2.60
HNXIndex	207.01	+2.20
HNX30	368.80	+4.18
UPCoM	76.59	+1.08
USD/VND	23,590	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.08	-1
Lãi suất qua đêm (%)	5.04	-35
Dầu (WTI, \$)	72.27	+1.32
Vàng (LME, \$)	1,886.94	-0.90



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,061.41 (+2.05%)
KLGD (triệu CP) 549.2 (+2.9%)
GTGD (triệu US\$) 452.6 (+2.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự đồng thuận tích cực của nhiều nhóm cổ phiếu, đặc biệt là nhóm ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (+4.9%), POW (+5.0%), HSG (6.4%).

HNXIndex 207.01 (+2.20%)
KLGD (triệu CP) 80.3 (+2.0%)
GTGD (triệu US\$) 46.6 (-0.6%)

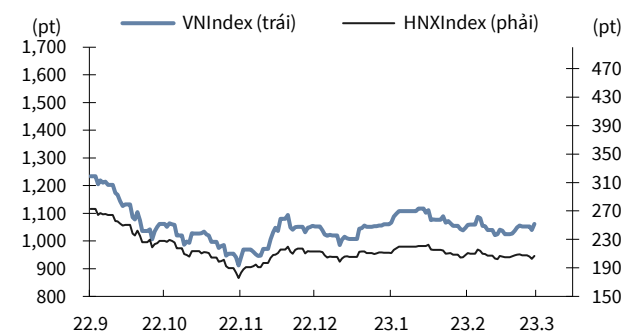
UPCoM 76.59 (+1.08%)
KLGD (triệu CP) 26.6 (-12.4%)
GTGD (triệu US\$) 13.9 (+1.5%)

Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm lãi suất điều hành từ 0.5 đến 1%. Các lãi suất điều hành điều chỉnh giảm bao gồm lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN. Cổ phiếu ngành chứng khoán hưởng lợi từ động thái nới lỏng chính sách tiền tệ và tăng giá ở SSI (+6.8%), VCI (7.00%), VND (+6.8%)

ĐTNN mua ròng (triệu US\$) +10.5

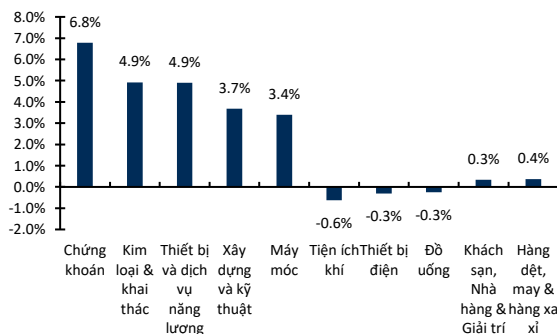
Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định 235/QĐ-TTg thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Cổ phiếu đầu tư công tăng giá ở HHV (+4.7%), C4G (+4.7%), LCG (3.6%)

VNIndex & HNXIndex



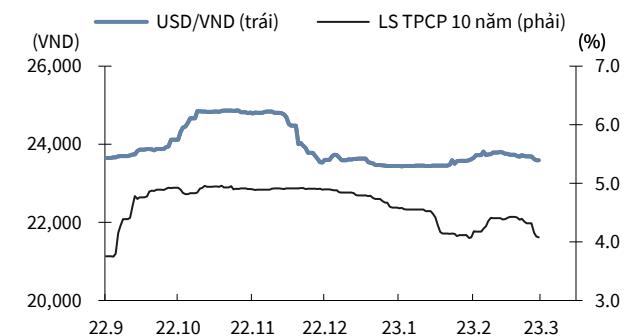
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



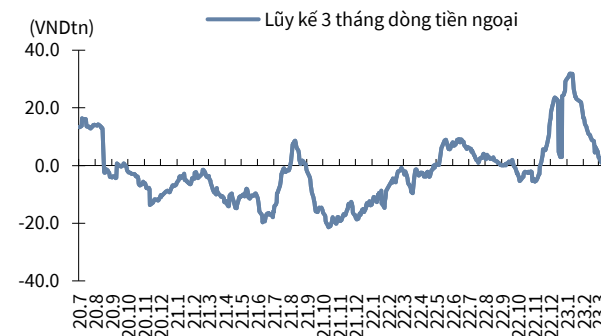
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

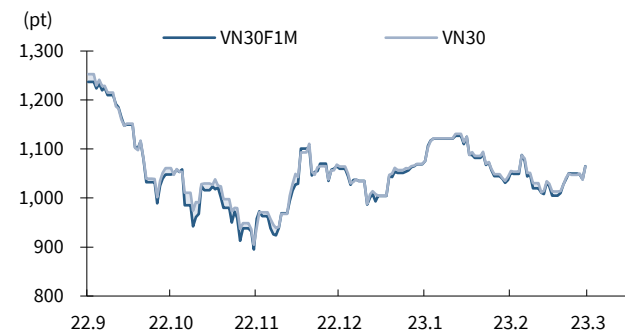
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,064.38 (+2.61%)
VN30F1M	1,064.9 (+2.60%)
Mở cửa	1,051.3
Cao nhất	1,067.7
Thấp nhất	1,051.3

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2303 và chỉ số VN30 ghi nhận mức cao nhất phiên tại 20.56 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó biến động trong biên độ dương quanh mức 3 điểm suốt phiên, đóng cửa tại -1.38 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

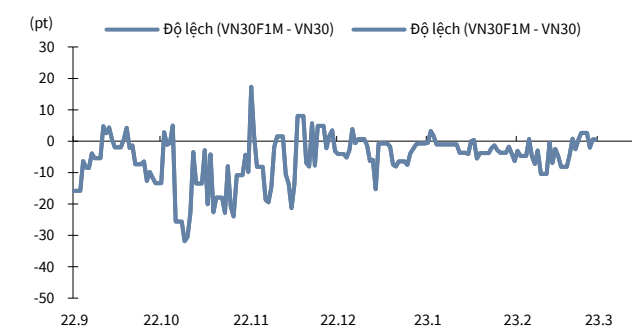
KLGD (HĐ) **335,859 (+17.5%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



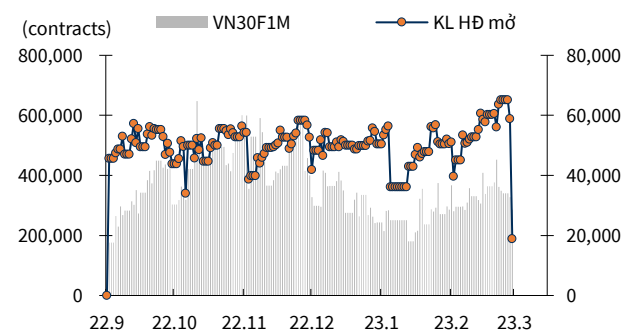
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



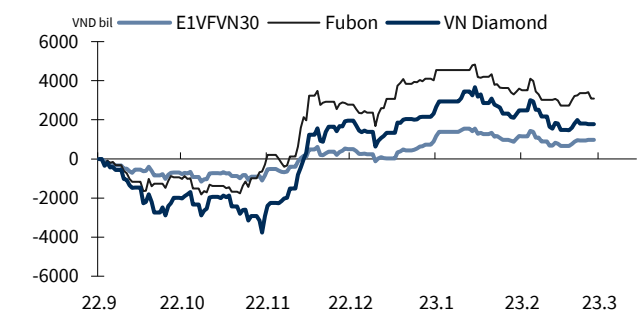
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

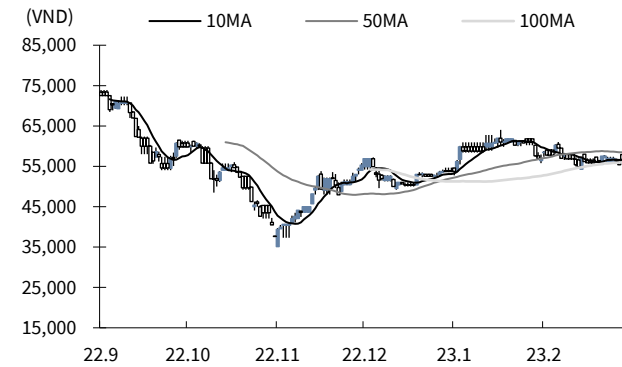
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

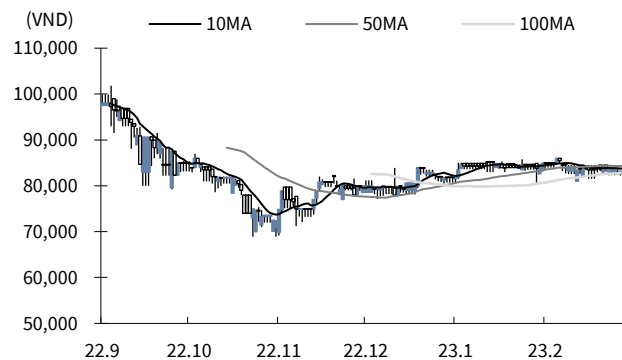
Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTR tăng 2.17% lên 56,600 VND/cp
- Tổng CTCP Công trình Viettel vừa công bố kết quả kinh doanh hai tháng đầu năm 2023 với lợi nhuận trước thuế là 89 tỷ đồng (+20% YoY) và 1,562 tỷ đồng doanh thu (+18% YoY). Với kết quả này, CTR đã hoàn thành 15% kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cả năm.

Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP (BCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BCM tăng 0.12% lên 83,200 VND/cp
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP vừa công bố chuyển nhượng 22,238 mét vuông đất tại Khu dân cư Mỹ Phước 3, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bên nhận chuyển nhượng là CTCP SetiaBecamex, giá trị chuyển nhượng hơn 222 tỷ đồng.

CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (TNH)

Động lực tăng trưởng mạnh mẽ từ việc mở rộng quy mô

15/03/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

Ngành Y tế còn nhiều dư địa phát triển

Tỷ lệ giường bệnh/bệnh nhân tại Việt Nam còn tương đối thấp sẽ tạo điều kiện cho các bệnh viện tư nhân có cơ hội phát triển. Nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Việt Nam tăng lên khiến ngành y tế còn nhiều dư địa để cung cấp các dịch vụ. Các bệnh viện của TNH được đặt ở vị trí thuận lợi sẽ thu hút lượng dân cư đông đúc tại trung tâm thành phố và các khu công nghiệp đến khám chữa bệnh.

Các dự án mới đi vào hoạt động là động lực tăng trưởng chính của TNH

TNH đang thực hiện 5 dự án xây dựng các bệnh viện với kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2021-2025. Dự kiến khi các dự án đi vào hoạt động sẽ trở thành động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho TNH, ước tính tăng trưởng hàng năm đạt mức 2 chữ số trong giai đoạn 2024-2027.

Sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao là lợi thế trọng yếu của TNH

Để chuẩn bị cho các bệnh viện mới sắp đi vào hoạt động, TNH đã và đang tuyển dụng lượng lớn đội ngũ y bác sĩ và đưa về cơ sở Thái Nguyên để đào tạo, sẵn sàng phục vụ ngay khi các dự án hoàn thành xong. Chúng tôi đánh giá chiến lược này sẽ hạn chế rủi ro xảy ra tình thiếu hụt nhân sự trầm trọng như một số bệnh viện tại các tỉnh thành lớn.

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 42,000 VNĐ/Cp

Năm 2023, dự kiến doanh thu của TNH sẽ đạt 493 tỷ đồng (+6.5% YoY), LNST đạt 151 tỷ đồng (+7.2% YoY). Mức DTT và LNST của TNH cho năm 2024 lần lượt 671 tỷ đồng (+36% YoY) và 226 tỷ đồng (+49% YoY). Khuyến nghị MUA cổ phiếu TNH với giá mục tiêu 42,000 VNĐ/cp, cao hơn 16% so với giá đóng cửa ngày 14/03/2023.

MUA

Giá mục tiêu	VND 42,000
Tăng/giảm (%)	16%
Giá hiện tại (14/03/2023)	36,000
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ti USD)	2.1/0.092

Dự phóng KQKD & định giá

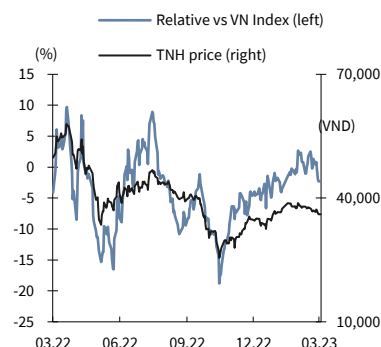
FY – end	2022A	2023E	2024E	2025E
Doanh số thuần (tỷ VND)	463	493	671	932
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	146	132	168	247
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	141	151	195	282
EPS (nghìn VND)	2,720	2,905	3,758	5,444
Tăng trưởng EPS (%)	12.9	7.2	29	44
P/E (x)	12.8	12.4	9.6	6.6
P/B (x)	2.0	2.0	1.2	1.0
ROE (%)	15	16	15	17
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	0	0	0	0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	74%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	3.6/0.15
Sở hữu nước ngoài	42%
Cổ đông lớn	KWE Beteiligungen AG (10.3%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-5	3	-12	-31
Tương đối	-6	3	4	-2



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

TCT Khí Việt Nam (GAS)

Động lực tăng trưởng từ các dự án khí

Chuyên viên phân tích – Nguyễn Đình Thuận
thuannd@kbsec.com.vn

15/03/2022

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2022 đều tăng trưởng tích cực

Luỹ kế cả năm 2022, doanh thu của GAS đạt 100,723 tỷ VNĐ (+27.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 15,062 tỷ VNĐ (+70% YoY). Doanh thu và lợi nhuận có kết quả tăng trưởng tốt nhờ (1) Sản lượng tiêu thụ tích cực so với 2021 do nhu cầu khí từ các nhà máy điện phục hồi (2) Giá dầu Brent, dầu FO cũng như LPG neo ở mức cao. Biên lợi nhuận cả năm 2022 của GAS được cải thiện, đạt 21.16%.

Nhu cầu khí khô từ các khách hàng nhà máy điện kỳ vọng phục hồi tích cực trong năm 2023

Theo các tổ chức khí tượng quốc tế, xác suất thời tiết xuất hiện El Nino tăng trên 50% từ tháng 5/2023. Điều này đồng nghĩa với việc lượng nước về hồ cho các nhà máy thủy điện sẽ giảm bớt so với giai đoạn 2021 – 2022. Các nhà máy điện khí (khách hàng chính của GAS) kỳ vọng sẽ được huy động tích cực hơn. Chúng tôi dự phóng sản lượng khí bán cho các nhà máy điện kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2023, đạt khoảng 6,032 triệu m³ khí (+10.4% YoY).

GAS có động lực tăng trưởng từ tiêu thụ khí LNG

Nhiệt điện khí LNG sẽ được ưu tiên phát triển trong tương lai. GAS sẽ hưởng lợi từ xu hướng này khi đang là nhà đầu tư tiên phong khi sở hữu 9/14 kho LNG được xây dựng và khai thác trong giai đoạn tới. Dự án LNG đầu tiên của GAS là kho LNG Thị Vải là nơi cung cấp khí cho: nhà máy nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3&4, các khách hàng công nghiệp và bù đắp một phần cho lượng khí thiếu hụt trong nước sau năm 2022. Tuy nhiên, tiến độ Nhơn Trạch 3&4 hiện tại vẫn gặp nhiều vướng mắc trong việc đàm phán cam kết đầu ra cho dự án. Chúng tôi cho rằng việc Nhơn Trạch 3&4 hoàn thành và giá LNG nhập khẩu giảm là điều kiện thúc đẩy kho LNG này đi vào hoạt động.

Khuyến nghị NĂM GIỮ với giá mục tiêu 118,300 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu GAS. Giá mục tiêu là VNĐ/cổ phiếu với tổng mức sinh lời là 9.8% so với giá tại ngày 14/03/2023.

NĂM GIỮ

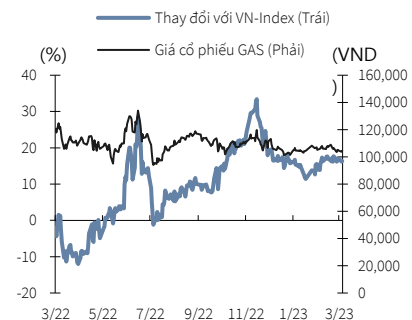
Giá mục tiêu	VND118,300
Tăng/giảm (%)	9.8%
Giá hiện tại (14/03/2023)	VND107,700
Giá mục tiêu thị trường	131,000
Vốn hóa (nghìn tỷ VNĐ)	206

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	24.8
Sở hữu nước ngoài (%)	3%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (95.8%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1	-7	-11	-13
Tương đối	3	-10	7	16

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	78,992	100,724	95,667	100,451
EBIT	10,374	17,799	15,096	16,324
LN sau ĐTS	8,673	14,794	12,446	13,285
EPS (VNĐ)	4,356	7,647	6,503	6,941
Thay đổi EPS (%)	8.1	75.6	-15.0	7.0
P/E (x)	16.6	14.0	18.0	16.9
EV/EBITDA (x)	10.6	9.7	12.1	11.0
P/B (x)	2.7	3.4	3.3	3.0
ROE (%)	17.0	24.6	18.6	18.0
Tỷ suất cổ tức (%)	4.2	2.9	2.6	3.0



Nguồn: Bloomberg, KBSV

15/03/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

4Q2022, LNTT đạt 5,381 tỷ VND, tăng 87.6% YoY

4Q2022, BID duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt với thu nhập lãi thuần đạt 14,532 tỷ VND (+3.1% QoQ, +33.9% YoY); TOI đạt 17,680 tỷ VND (+0.7% QoQ, +15.9% YoY); LNTT 4Q2022 đạt 5,381 tỷ VND (-19.4% QoQ, +87.6% YoY). Lũy kế cả năm 2022, LNTT đạt 23,058 tỷ VND, tăng 70.2% YoY với tăng trưởng tín dụng đạt 12.1%.

NIM 4Q2022 đạt 2.92%, giảm 1bps QoQ.

NIM 4Q2022 đạt 2.92% (-1bps QoQ, +2bps YoY) trong đó lãi suất đầu vào bình quân tăng 18bps QoQ do mặt bằng lãi suất huy động tăng ở cả thị trường 1 và thị trường 2 trong 4Q2022. Trong khi đó lãi suất bình quân đầu ra tăng tương ứng 17bps QoQ nhờ đẩy mạnh cho vay nhóm bán lẻ và SME vốn có tỷ suất lợi nhuận cao hơn.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.16%, giảm 19bps QoQ do đẩy mạnh xử lý nợ xấu

Tỷ lệ nợ xấu 4Q2022 đạt 1.16% giảm 19bps QoQ nhờ đẩy mạnh xử lý nợ xấu bằng nguồn dự phòng, đạt 9,581 tỷ VND tương đương 47.6% nợ xấu trong 3Q2022. Trong khi đó nợ nhóm 2 tăng 43bps QoQ cho thấy các áp lực từ diễn biến vĩ mô tiêu cực bắt đầu có tác động đến chất lượng tài sản của BID. Áp lực nợ xấu sẽ gia tăng trong năm 2023 khi thị trường bất động sản đang có những dấu hiệu suy yếu về cả giá và thanh khoản gây ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của các ngân hàng.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 44,300 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 44,300 VND/cp, thấp hơn 5.3% so với giá tại ngày 15/3/2023.

NĂM GIỮ

Giá mục tiêu	VND 44,300
Tăng/Giảm	-5.3%
Giá hiện tại (15/03/2023)	VND 46,800
Giá mục tiêu thị trường	VND 46,000
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	236,739

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	46,823	56,064	62,957	69,186
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	43,028	47,045	53,708	59,122
LNST (tỷ VND)	10,841	18,453	21,033	23,752
EPS (VND)	2,084	3,597	4,101	4,633
Tăng trưởng EPS (%)	20%	73%	14%	13%
PER (x)	22.2	12.9	11.3	10.0
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,066	20,600	23,901	27,735
PBR (x)	2.71	2.25	1.94	1.67
ROE (%)	13.1%	19.4%	18.7%	18.2%

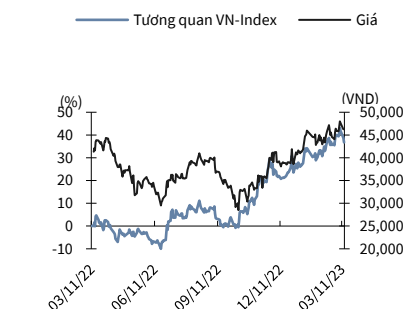
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	3.74%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	64/2.7
Sở hữu nước ngoài (%)	17.28%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	16	27	8
Tương đối	3	17	43	37



Nguồn: Bloomberg, KBSV

15/03/2023

Trung lập

Ngành phân bón

Định giá thấp nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong ngắn hạn

Thế giới: Trong năm 2022, doanh thu mảng phân đạm và phân lân của các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng tích cực, đạt lần lượt 40% và 80% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, biên lợi nhuận có sự phân hoá rõ rệt giữa các khu vực. Trong khi các doanh nghiệp tại Châu Âu chịu ảnh hưởng tiêu cực từ việc nguồn cung khan hiếm và giá khí tự nhiên tăng cao, các doanh nghiệp tại Bắc Mỹ và Châu Á hưởng lợi lớn nhờ giá đầu ra duy trì ở mức cao.

Sự phân hoá đối được dự báo sẽ tiếp tục kéo dài sang năm 2023 khi Trung Quốc mở cửa trở lại và có thể gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu vào cuối quý 2. Điều này giúp cho sản lượng xuất khẩu và triển vọng kinh doanh của các doanh nghiệp Trung Quốc được đánh giá khả quan hơn nhờ mức nền thấp của năm 2022. Ngược lại, nguồn cung gia tăng trong bối cảnh nhu cầu suy yếu sẽ khiến cho giá các mặt hàng phân bón tiếp tục giảm trong năm 2023 và ảnh hưởng tiêu cực lên biên lợi nhuận của các quốc gia còn lại, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam: Xuất khẩu phân bón các loại của Việt Nam tăng mạnh trong năm 2022, đạt 1.75 triệu tấn tăng 29,6% so với cùng kỳ. Giá xuất khẩu trung bình của các mặt hàng tăng hơn 50% so với 2021 giúp cho tổng giá trị xuất khẩu phân bón của nước ta đạt mốc 1 tỷ USD. Các doanh nghiệp phân đạm như DPM, DCM ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội so với trung bình ngành nhờ đẩy mạnh việc xuất khẩu ra nước ngoài.

Mặc dù vậy, lợi nhuận của các doanh nghiệp tại Việt Nam nhiều khả năng đã lập đỉnh vào quý 1/2022, tương đồng với diễn biến của giá phân bón trong nước và trên thế giới. Giá các loại nông sản sụt giảm kết hợp với nhu cầu tiêu thụ suy yếu sẽ khiến cho việc kinh doanh phân bón trong năm 2023 gặp nhiều khó khăn.

Cổ phiếu của các doanh nghiệp hầu hết đều trải qua một nhịp điều chỉnh mạnh trong quý 2 và quý 3 trước những lo ngại của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh kém tích cực trong năm 2023 trước khi diễn biến cân bằng hơn trong 2 quý trở lại đây. Mặc dù giá cổ phiếu của các doanh nghiệp phân bón hiện đã rơi về vùng định giá tương đối thấp, chúng tôi vẫn đưa ra đánh giá TRUNG LẬP đối với ngành phân bón

SBV hạ lãi suất

Hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

SBV quyết định hạ lãi suất chính sách

— Ngày 14/3/2023, SBV ban hành các quyết định hạ một số loại lãi suất chính sách, có hiệu lực ngày 15/3/2023 (bảng 1)

Bảng 1. Các mức giảm lãi suất chính sách hiệu lực 15/3/2023

	Cũ	Mới
Lãi suất tái cấp vốn	6%	6%
Lãi suất tái chiết khấu	4.5%	3.5%
Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD	7%	6%
Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD	5.5%	5%
Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô	6.5%	6%

Nguồn: SBV, KBSV

Đánh giá hành động hạ lãi suất của SBV

- Chúng tôi đánh giá hành động của SBV mang tính chất định hướng tiếp tục hạ nền lãi suất nhằm hỗ trợ nền kinh tế, trong bối cảnh lạm phát vẫn được kiểm soát tốt trong mục tiêu của Chính phủ và nhu cầu tín dụng đang ở mức thấp. Theo ước tính, tới ngày 9/3/2023, huy động vốn của hệ thống TCTD tăng 0.45% YTD và tín dụng toàn hệ thống tăng 1.12% YTD (biểu đồ 1 & 2).
- Trên thực tế, theo SBV tính hết tháng 2 mặt bằng lãi suất đã giảm, với lãi suất cho vay bình quân giảm 0.4% và lãi suất huy động cũng đã giảm 0.5% so với thời điểm cuối năm 2022 (biểu đồ 3)
- Bên cạnh đó, việc Fed sớm kết thúc lộ trình tăng lãi suất vào, cuối quý 2/2023, được kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho chính sách tiền tệ nới lỏng của SBV, khi đồng USD lao dốc (tham chiếu theo chỉ số DXY), giảm bớt áp lực tỷ giá và nếu xu hướng điều chỉnh tiếp diễn có thể tạo điều kiện cho SBV mua vào USD gia tăng dự trữ ngoại hối, nới lỏng cung tiền M2

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co đầu phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Dòng tiền lan toả tích cực đến hầu hết các nhóm ngành đã giúp cho chỉ số đóng cửa quanh mức cao nhất phiên và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tích cực hơn. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ sớm quay trở lại quanh ngưỡng cản gần 107x, cơ hội phá vỡ kênh giảm điểm song song thiết lập hồi tháng 2 và quay trở lại xu hướng hồi phục trong ngắn hạn của VNIndex đang có phần lấn át.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng quanh các ngưỡng hỗ trợ gần của cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1075 - 1080

Kháng cự gần: 1068 - 1070

Hỗ trợ gần: 1054 - 1057

Hỗ trợ xa: 1045 - 1048

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 mở rộng đà tăng hưng phấn trước khi đánh một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Dòng tiền lan toả tích cực đến hầu hết các nhóm ngành đã giúp cho chỉ số phá vỡ kênh giảm điểm thiết lập hồi tháng 2 và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tích cực hơn. F1 đang có nhiều cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong ngắn hạn và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1080 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

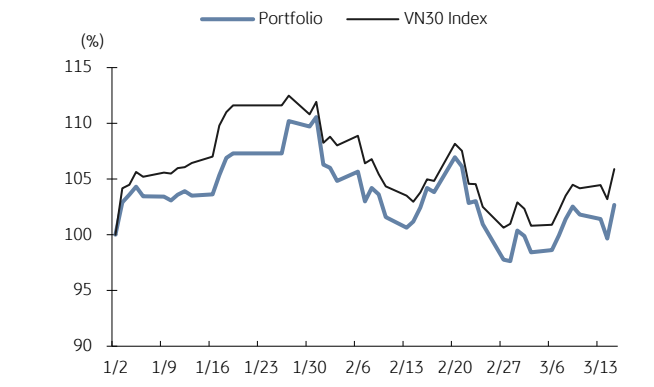
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.61%	3.02%
Tăng lũy kế (YTD)	5.89%	2.68%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/03/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	40,000	3.6%	3.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	20,350	6.8%	-2.9%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	80,800	0.1%	40.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,650	1.9%	0.6%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	13,850	4.1%	-19.0%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	80,500	2.3%	231.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,500	1.7%	56.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,000	-0.6%	45.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,300	4.9%	91.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	22,500	5.4%	119.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	4.9%	23.5%	62.8
POW	5.1%	6.8%	59.1
HSG	6.4%	12.8%	40.1
VHM	2.8%	24.0%	37.8
KBC	5.4%	19.3%	13.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	4.9%	23.5%	62.8
POW	5.1%	6.8%	59.1
HSG	6.4%	12.8%	40.1
VHM	2.8%	24.0%	37.8
KBC	5.4%	19.3%	13.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	4.8%	20.6%	25.2
IDC	2.9%	1.0%	2.4
TIG	5.1%	9.9%	0.9
SHS	9.8%	6.7%	0.7
PLC	6.4%	1.3%	0.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	3.9%	12.6%	-0.5
BVS	6.7%	7.7%	-0.3
INN	-1.5%	4.8%	-0.2
IVS	6.0%	72.0%	-0.2
NVB	0.0%	8.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	5.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	3.3%	AST, VNG, DSN, DAH
Phụ tùng oto	3.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Quản lý & phát triển bất động sản	2.9%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hóa chất	2.9%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-5.0%	TTF, GDT, EVE, SAV
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-4.2%	PVD, PVT
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-3.2%	PLX, PGC, CNG, GSP
Sản phẩm xây dựng	-1.5%	VGX, BMP, SHI, DAG
Tiện ích điện	-1.4%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	12.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Chứng khoán	9.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản xuất điện	6.3%	POW, VSH, GEG, TMP
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	5.9%	PVD, PVT
Cung cấp và dịch vụ thương mại	5.1%	TLG, ILB, APC, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-5.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Dược	-3.4%	DHG, IMP, TRA, DBD
Thực phẩm	-2.9%	VNM, MSN, KDC, VHC
Hóa chất	-2.4%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tập đoàn công nghiệp	-1.8%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	84,306 (3.6)	22.5	29.2	25.8	14.7	6.2	6.6	-	-	1.9	1.9	2.1	0.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	120,076 (5.1)	26.6	6.1	6.0	35.9	20.7	17.6	1.2	1.0	2.8	8.6	8.2	-4.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	64,029 (2.7)	17.8	17.9	16.3	-7.6	9.9	10.3	1.8	1.7	-1.0	4.6	0.5	8.4
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	185,458 (7.8)	31.3	4.8	3.4	6.7	6.5	-3.4	0.6	0.6	6.1	2.7	1.8	-18.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	37,422 (1.6)	11.6	21.1	14.3	13.7	8.7	12.5	1.5	1.4	2.9	2.5	-3.5	0.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	145,179 (6.1)	13.9	14.7	19.5	-	5.3	3.8	0.8	0.8	6.6	1.3	3.7	-11.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	78,204 (3.3)	6.3	12.7	11.5	11.7	22.5	21.3	2.6	2.2	0.4	-0.9	-1.7	14.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	47,132 (2.0)	12.7	10.7	8.9	-5.3	18.7	19.9	1.9	1.6	3.9	-2.5	6.4	21.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	66,460 (2.8)	0.0	4.4	3.7	14.3	17.5	17.6	0.7	0.6	3.4	-0.4	-0.7	5.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	72,161 (3.0)	1.4	7.5	6.2	50.3	16.7	18.5	1.2	1.1	1.7	0.3	2.1	8.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	289,445 (12.2)	0.0	8.5	6.8	18.8	14.2	15.1	1.1	1.0	2.1	9.1	15.1	10.6
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	132,042 (5.6)	0.0	4.6	3.9	14.6	21.7	20.4	0.9	0.7	3.5	1.1	-1.1	4.1
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	38,039 (1.6)	4.2	4.3	4.4	23.3	25.5	19.9	1.0	0.8	2.5	-0.5	3.9	16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	460,610 (19.4)	14.0	6.0	4.4	26.5	21.4	24.0	1.0	0.8	3.9	0.0	8.6	12.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	115,420 (4.9)	0.0	5.5	4.6	37.4	19.8	19.9	1.0	0.8	1.9	2.9	3.6	17.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	61,202 (2.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.4	-2.0	14.3	-14.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	14,879 (0.6)	21.0	15.2	12.6	15.8	10.9	12.1	1.6	1.5	1.2	0.6	-0.2	5.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	4,487 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	3.2	-1.9	-0.8	20.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	270,814 (11.4)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	6.8	2.8	6.5	15.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	129,665 (5.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	7.0	3.9	11.9	25.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	138,149 (5.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	7.0	-1.4	4.9	22.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	246,509 (10.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.8	1.7	6.8	10.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	100,263 (4.2)	42.1	18.3	16.5	4.0	29.8	32.1	5.0	4.7	0.7	0.8	1.4	1.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,701 (0.9)	36.9	22.4	19.9	7.3	21.9	21.7	4.5	4.0	-0.3	1.6	0.3	13.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	71,013 (3.0)	16.5	25.1	18.1	-51.9	11.6	16.3	3.6	3.2	1.3	5.3	-8.9	-8.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	10,078 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.9	2.8	5.3	5.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	27,984 (1.2)	11.0	28.9	18.7	-88.5	16.4	27.8	-	-	3.1	6.7	2.1	-4.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	23,336 (1.0)	10.8	13.2	16.6	-57.0	23.7	12.1	1.8	1.7	0.2	-1.4	-2.1	11.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	34,971 (1.5)	38.4	21.4	8.8	65.7	3.0	7.3	-	-	5.5	6.7	9.9	11.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	107,162 (4.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.6	4.6	-2.7	0.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	9,492 (0.4)	3.6	17.7	8.7	-52.4	1.9	3.8	0.3	0.3	3.9	2.2	9.6	14.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	15,288 (0.6)	0.0	10.2	9.0	-4.5	14.3	14.3	1.3	1.2	1.0	1.2	-2.4	-3.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	19,544 (0.8)	46.1	20.2	17.7	-17.5	19.1	18.0	3.5	3.4	-0.6	1.0	-0.1	5.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,143 (0.8)	31.4	13.4	9.8	-10.5	14.6	19.2	1.9	1.7	1.7	-1.0	1.7	2.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,544 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	1.3	-1.9	3.4	19.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	443,167 (18.7)	18.0	12.0	8.4	21.9	10.6	13.8	1.2	1.1	4.9	0.5	2.4	18.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	60,579 (2.6)	36.5	5.7	8.6	-0.5	17.9	13.0	0.9	0.9	1.8	-0.6	-21.7	-21.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	60,857 (2.6)	46.5	8.1	7.9	-4.5	15.2	14.8	1.2	1.1	1.3	3.7	-5.5	-9.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	318,527 (13.4)	38.9	14.7	7.7	67.9	3.5	8.9	0.9	0.8	6.4	1.8	9.6	43.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	29,402 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.5	3.9	12.9	35.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,195 (1.1)	4.6	16.5	13.9	-51.0	11.0	12.0	1.9	1.8	1.5	-3.2	-2.8	18.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	104,348 (4.4)	39.9	26.2	14.2	-11.9	3.1	5.6	0.8	0.8	4.1	-5.3	1.4	20.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	45,267 (1.9)	35.9	7.6	6.6	2.2	14.5	15.1	1.0	0.9	6.3	-2.1	6.9	-4.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	62,147 (2.6)	0.0	12.6	9.0	14.4	18.1	21.2	2.2	1.9	3.6	1.5	-6.4	-6.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	23,634 (1.0)	0.0	13.5	11.3	2.4	22.8	22.9	2.6	2.3	0.1	1.0	-1.5	-10.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,359 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.9	0.5	11.9	21.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	53,695 (2.3)	30.3	20.5	15.6	-75.2	19.8	22.1	3.5	2.8	2.7	-1.2	-2.7	3.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	20,465 (0.9)	34.6	9.0	8.4	41.2	21.9	22.7	1.6	1.3	2.3	-1.1	-2.2	2.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,089 (0.0)	45.4	13.5	12.4	10.7	21.7	20.8	2.7	2.4	1.0	0.4	-2.5	13.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	58,868 (2.5)	0.0	14.2	11.9	15.5	28.0	29.3	3.4	3.1	2.3	1.3	-1.3	4.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyền – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.